Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp Dạy

Tiết 4: **TRÙNG ROI**

**I.MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

 - Trình bày được đặc điểm cấu tạo và lối sống của trùng roi

 - Trình bày cấu tạo tập đoàn trùng roi và quan hệ nguồn gốc giữa động vật đa bào và động vật đơn bào.

**2.** **Kĩ năng**

 - Quan sát, so sánh, phân tích.

 - Kỹ năng hoạt động nhóm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục ý thức yêu thích bộ môn.

 **4. Năng lực**

 \* Năng lực chung

 - Năng lực tự học

 - Năng lực giải quyết vấn đề

 - Năng lực hợp tác

 \* Năng lực riêng

 - Tự nhận thức

**II.Chuẩn bị**

**1.Giáo viên**

- Tranh ảnh liên quan tới bài học.

**2.Học sinh**

- Đọc bài trước ở nhà.

**III.Hoạt động dạy học**

**1.Ổn định lớp**

**2.Kiểm tra bài cũ**

**3.Bài mới**

 **a.Hoạt động khởi động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động HS | Ghi bảng |
| Hôm trước chúng ta đã quan sát về trùng rồi về hình dạng, cấu tạo và di chuyển.Vậy còn dinh dưỡng và sinh sản chúng ra sao hnay chúng ta vào bài ngày hôm nay? | HS lắng nghe |  |

**b.Hoạt động hình thành kiến thức**

 ***Hoạt động 1:* *Tìm hiểu trùng roi xanh***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS | Ghi bảng |
| - GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin, quan sát hình 4.1, SGK tr.17, trả lời CH:1. Trùng roi có cấu tạo như thế nào?2. Cách di chuyển của trùng roi?- GV nhận xét, cho HS ghi bài- GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin, trả lời CH:- GV nhận xét- GV hướng dẫn HS xem tranh và giải thích cách sinh sản của trùng roi- GV hỏi : Trùng roi sinh sản như thế nào?- GV yêu cầu HS thảo luận, giải thích thí nghiệm ở mục 4: “ Tính hướng sáng”- GV chốt kiến thức | - HS nghiên cứu thông tin, trả lời- HS nghiên cứu thông tin, trả lời 1. Tự dưỡng và dị dưỡng 2. Nhờ không bào co bóp 3. Trao đổi khí qua màng tế bào -HS lắng nghe- HS trả lời đạt: Trùng roi sinh sản vô tính bằng cách phân đôi theo chiều dọc.- HS giải thích dựa vào thông tin SGK | I.Trùng ròi1. Nơi sống-Sông trong nước: ao hồ, đầm, ruộng, vũng nước mưa...2. Cấu tạo: -Là 1 tế bào hình thoi-kích thước khoảng 0.05mm- Có roi, điểm mắt, hạt diệp lục, hạt dự trữ, không bào co bóp, nhân, màng tế bào.3.Di chuyển -Nhờ roi-Roi xoáy vào nước, vừa tiến vừa xoay mình 4. Dinh dưỡng: -Tự dưỡng và dị dưỡng -Bài tiết: Nhờ không bào co bóp -Hô hấp: Trao đổi khí qua màng tế bào5.Sinh sản -Vô tính bằng cách phân đôi theo chiều dọc .6.Tính hướng sáng: -Điểm mắt và roi giúp trùng roi hướng về chỗ có ánh sáng. |

 ***Hoạt động 2: Tìm hiểu tập đoàn trùng roi***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS | Ghi bảng |
| - GV yêu cầu HS quan sát hình 4.3 SGK tr.18, hoàn thành bài tập mục ⏷ tr .19 - GV nhận xét. | - HS quan sát hình, trao đổi nhóm -> hoàn thành bài tập. - HS thảo luận trả lời   | II.Tập đoàn trùng roi-Gồm nhiều tế bào có roi liên kết với nhau tạo thành.- Chúng gợi ra mối quan hệ nguồn gốc giữa ĐV đơn bào và ĐV đa bào. |

**c. Hoạt động luyện tập**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động GV | Hoạt động HS | Ghi bảng |
| **Câu 1:** Trùng roi thường tìm thấy ở đâu?A. Trong không khí.B. Trong đất khô.C. Trong cơ thể người.D. Trong nước.**Câu 2:** Vai trò của điểm mắt ở trùng roi làA. bắt mồi.B. định hướng.C. kéo dài roi.D. điều khiển roi.**Câu 3:** Phương thức dinh dưỡng chủ yếu của trùng roi xanh làA. quang tự dưỡng.B. hoá tự dưỡng.C. quang dị dưỡng.D. hoá dị dưỡng.**Câu 4:** Vị trí của điểm mắt trùng roi làA. trên các hạt dự trữB. gần gốc roiC. trong nhânD. trên các hạt diệp lục**Câu 5:** Khi trùng roi xanh sinh sản thì bộ phận phân đôi trước làA. nhân tế bàoB. không bào co bópC. điểm mắtD. roi | HS lắng nghe trả lời | 1.C2.B3.A4.B5.A |

**d.Hoạt động vận dụng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động GV | Hoạt động HS | Ghi bảng |
| HS trả lời các câu hỏi cuối SGK | HS lắng nghe trả lời |  |

**e.Hoạt động tìm tòi mở rộng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động GV | Hoạt động HS | Ghi bảng |
| - Học bài cũ-Làm bài tập, câu hỏi.- Đọc trước bài mới. | HS lắng nghe  |  |

**f. Rút kinh nghiệm**:

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................